

Mở rộng mô hình chăn nuôi giống lợn địa phương tại tỉnh Bắc Kạn

1. Tên dự án: Mở rộng mô hình chăn nuôi giống lợn địa phương tại tỉnh Bắc Kạn.

2. Tổ chức chủ trì dự án: Viện Khoa học sự sống - Đại học Thái Nguyên.

3. Chủ nhiệm dự án: TS. Trần Văn Phùng.

4. Mục tiêu của dự án:

- Xây dựng được 30 mô hình chăn nuôi lợn tại các nông hộ, trong đó có 27 hộ chăn nuôi quy mô 2-3 lợn nái, mỗi năm sản xuất 20-30 lợn giống/lợn thịt và 3 hộ chăn nuôi quy mô 10 lợn nái, mỗi năm sản xuất 100 lợn giống hoặc lợn thịt.

- Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi trang trại tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền, thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Kạn. Quy mô chăn nuôi 30 lợn nái, mỗi năm sản xuất 100 lợn giống và 200 lợn thịt xuất chuồng. Đến khi kết thúc dự án, đàn lợn nái sinh sản đã ở lứa thứ nhất.

5. Kết quả thực hiện:

5.1. Chuyển giao công nghệ chăn nuôi lợn địa phương quy mô nông hộ và trang trại phù hợp điều kiện kinh tế xã hội và nhu cầu của người tiêu dùng:

Dự án đã tổ chức 03 lớp tập huấn cho các hộ nông dân tham gia chăn nuôi lợn địa phương tại ba huyện Pác Nặm, Ba Bể và Ngân Sơn. Việc tập huấn tổ chức trước khi triển khai xây dựng mô hình, số lượng học viên là 20 người/lớp, những người tham gia tập huấn là thành viên của các hộ được chọn để triển khai mô hình chăn nuôi lợn địa phương.

Nội dung tập huấn bao gồm:

- Kỹ thuật xây dựng chuồng trại, sân chơi cho lợn.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn đực giống.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái sinh sản: Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái hậu bị; kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái chờ phối; kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái chửa; kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái nuôi con.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn con sau cai sữa.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn thương phẩm.
- Kỹ thuật chế biến thức ăn: Thức ăn tinh và thức ăn xanh
- Công tác thú y phòng trừ dịch bệnh cho lợn địa phương:

+ Công tác thú y trong phòng bệnh: Phòng bệnh bằng vắc xin, vệ sinh phòng dịch.

+ Điều trị bệnh trong chăn nuôi lợn địa phương: Bệnh đường hô hấp, bệnh đường tiêu hóa, bệnh do ký sinh trùng.

Phương pháp tập huấn: Bao gồm giảng dạy ở trên lớp và hướng dẫn thực hành và học viên thực hành trên thực tế chăn nuôi tại một hộ nông dân cụ thể.

Phương pháp đánh giá kết quả tập huấn: Qua đánh giá 01 bài kiểm tra trắc nghiệm và kiểm tra trên thực tế của giảng viên.

Qua các lớp tập huấn, người dân tham rất tích cực, đồng thời thảo luận và trao đổi thông tin để nắm được kiến thức cũng như trao đổi phương pháp phát triển chăn nuôi.

Kết quả đánh giá được công bố cho người học ngay tại lớp học, đồng thời giải thích cho người học hiểu những vấn đề họ chưa hiểu rõ. Tỷ lệ người tham gia đạt tỷ lệ trung bình còn cao. Giải thích về vấn đề này người học cho rằng họ chưa quen với cách kiểm tra bằng thi trắc nghiệm. Còn việc thực hành, phần lớn những người tham gia đều làm khá tốt.

5.2. Xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn địa phương tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền thuộc Trung tâm Ứng dụng Khoa học công nghệ:

Trong dự án này, việc xây dựng cơ sở nhân giống lợn địa phương được xác định có 2 nhiệm vụ lớn:

Một là: Xây dựng cơ sở vật chất chuồng trại và đầu tư trang thiết bị

Hai là: Đầu tư đàn lợn giống và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn địa phương sinh sản.

(1). Về nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất chuồng trại và đầu tư trang thiết bị:

Đây là vấn đề xây dựng cơ bản nên được tách ra và triển khai riêng trong một dự án không liên quan tới dự án này do Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN – Sở Khoa học và CN tỉnh Bắc Kạn đảm nhiệm. Ban quản lý dự án đã tư vấn việc thiết kế, xây dựng chuồng trại với các hạng mục chuồng nuôi, bãi thả, kho chứa thức ăn, khu chế biến thức ăn, nhà xưởng đặt máy móc phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, ban quản lý dự án cũng đã giúp Trung tâm lên kế hoạch dự trù vật tư trang thiết bị máy móc của một cơ sở chăn nuôi lợn địa phương.

Do việc xây dựng cơ bản kéo dài nên việc đưa đàn lợn giống vào nuôi ở Trạm nghiên cứu Đồn Đền không thực hiện được theo tiến độ vạch ra. Tới hết năm 2012, công việc xây dựng chuồng trại ở Đồn Đền vẫn chưa xong. Vì vậy dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện dự án tới hết tháng 12/2014. Đến tháng 7/2013 cơ sở vật chất chuồng trại tại trạm nghiên cứu Đồn Đền mới bàn giao đưa vào sử dụng.

(2). Về nhiệm vụ đầu tư đàn lợn giống và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn địa phương sinh sản.

Công văn số 2727/UBND-VX ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn đã điều chỉnh sản phẩm của dự án đến 31/12/2014 là: Xây dựng được mô hình có 35 lợn nái hậu bị, 03 lợn đực giống. Kết thúc năm 2014, chọn được 30 lợn nái đã sinh sản lứa đầu làm nái sinh sản của cơ sở chăn nuôi Đồn Đền.

Để thực hiện được nội dung trên, dự án đã chuẩn bị đàn lợn giống gồm: 35 lợn nái hậu bị, 03 lợn đực giống đủ tiêu chuẩn khối lượng theo quy định đã được phê duyệt và đưa đàn lợn giống vào nuôi tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền từ 23/9/2013 (có biên bản giao nhận ký giữa 2 bên), đồng thời cung cấp một phần vật tư, thức ăn và triển khai công tác chuyển giao công nghệ chăn nuôi cho cán bộ kỹ thuật của Trạm để chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đàn lợn.

Kết quả hoạt động của mô hình chăn nuôi lợn địa phương tập trung ở Trạm nghiên cứu Đồn Đền như sau:

(1) Việc cung cấp con giống, vật tư hỗ trợ cho chăn nuôi đúng kế hoạch, tiến độ đặt ra.

Một vấn đề đặt ra, là cơ sở vật chất kỹ thuật chuồng trại được đầu tư từ một dự án đầu tư khác do Sở KH&CN tỉnh Bắc Kạn là chủ đầu tư. Về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra, tuy nhiên, vẫn còn thiếu một số vật tư rẻ tiền mau hỏng phục vụ chăn nuôi, một số điểm cần đầu tư thêm để chăn nuôi đạt yêu cầu. Về vấn đề này, dự án đã cùng Trạm nghiên cứu Đồn Đền bàn bạc, xây dựng kế hoạch huy động thêm nguồn vốn đầu tư để đảm bảo đủ theo yêu cầu của chăn nuôi tập trung, quy mô tương đối lớn trong khu vực. Từ những nguồn đầu tư từ Nhà nước, dự án và huy động đầu tư thêm của Trạm đã đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho hoạt động của mô hình.

Kết quả sản xuất thức ăn xanh cho đàn lợn tại trạm nghiên cứu Đồn Đền:

Dự án đã cùng Trạm nghiên cứu Đồn Đền triển khai trồng các loại cây cung cấp thức ăn xanh cho đàn lợn, bao gồm cây chuối lá; cỏ voi, ngô dày.

Kết quả, trong thời gian triển khai dự án, dự án đã trồng được hàng trăm bụi chuối lá tại những khu đất trống xung quanh trại. Đã đầu tư trồng hàng nghìn m² cây cỏ voi và cây ngô theo phương thức trồng ngô dày để lấy thân lá cung cấp cho đàn lợn. Với lượng thức ăn xanh như vậy đã từng bước chủ động cung cấp thức ăn cho đàn lợn nuôi trong trại.

(2) Kết quả theo dõi các thông số kỹ thuật của đàn lợn địa phương nuôi tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền: Theo kế hoạch dự án đã cung cấp cho Trạm nghiên cứu Đồn Đền 35 lợn nái hậu bị địa phương và 3 lợn đực giống hậu bị đủ tiêu chuẩn để làm lợn nái theo đúng kế hoạch đề ra. Sau 16 tháng chăn nuôi, đã tuyển chọn được 31 con nái và 3 lợn đực đủ tiêu chuẩn sinh sản.

Về các chỉ tiêu kỹ thuật của đàn nái nuôi tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền: Đàn lợn địa phương nuôi tại Đồn Đền có kết quả sinh trưởng và các chỉ tiêu kỹ thuật khá tốt, vượt xa so với dự kiến ban đầu ở các chỉ tiêu kỹ thuật: số con đẻ ra/lứa, tỷ lệ nuôi sống, khối lượng sơ sinh, khối lượng 4 tháng tuổi. Khối lượng lợn thịt có thể xuất bán (7-8 tháng tuổi) đạt bình quân 39,5 kg/con. Có được kết

quả như trên là do công tác nuôi dưỡng chăm sóc và thực hiện các khâu kỹ thuật đã được cán bộ, công nhân của trạm Nghiên cứu Đồn Đền làm tốt, đảm bảo điều kiện chuồng trại sạch sẽ thoáng mát, có bãi chăn thả vận động hợp lý, cung cấp đủ các loại thức ăn (Thức ăn tinh và thức ăn xanh như cỏ voi, thân chuối, rau xanh). Tuy nhiên, cũng phải nhấn mạnh rằng, điều kiện thời tiết của khu vực Trạm nghiên cứu Đồn Đền vào mùa đông khá rét và ẩm ướt, việc duy trì tiêu chí hậu chuồng nuôi cho lợn nái nuôi con và lợn con theo mẹ cũng rất vất vả. Kết quả sản xuất cho thấy sự nỗ lực và cố gắng của cán bộ công nhân của Trạm trong việc thực hiện quy trình công nghệ chăn nuôi lợn theo quy mô tập trung.

Tiến hành tính toán sơ bộ hiệu quả kinh tế của mô hình khi kết thúc lứa thứ nhất: Với tổng đầu tư 223.390.900 đồng, sau khi nuôi đã chọn lựa được 31 lợn cái và 03 lợn đực đủ tiêu chuẩn làm giống. Với sự đầu tư ban đầu như vậy, giá thành của một lợn sinh sản (cả lợn nái và lợn đực) sẽ là 6.750.320 đồng. Đây là cơ sở để tính chi phí khấu hao cho giai đoạn chăn nuôi sinh sản sau này.

Từ chi phí cơ bản ban đầu như vậy, chúng tôi sơ bộ tính toán hiệu quả chăn nuôi của đàn lợn nái nuôi tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền ở lứa sinh sản thứ nhất. Trong lứa đẻ đầu tiên, kết quả tính toán sơ bộ (Có tính các chi phí đầu tư trực tiếp cho chăn nuôi như thức ăn, thuốc thú y, điện, công lao động..., khấu hao giá thành gốc của lợn nái, và khấu hao những chi phí khác do trung tâm đầu tư thêm) thu nhập sau khi trừ chi phí là 15.132.016 đồng. Mức thu như vậy chưa phải cao, do những lý do chính sau: Đặc điểm về năng suất chăn nuôi lứa thứ nhất chưa thực sự cao do sinh lý sinh sản của lợn nái chưa hoàn thiện, kinh nghiệm nuôi con của lợn nái chưa có, giá bán lợn chưa cao do điều kiện địa lý, mức độ tiếp thị thị trường... Tuy nhiên, với những tiềm lực về cơ sở vật chất, tay nghề chăn nuôi, thu nhập từ những lứa chăn nuôi tiếp theo sẽ được nâng lên nhiều.

Tóm lại, việc xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn địa phương tại trạm nghiên cứu Đồn Đền thuộc trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ để sản xuất và cung cấp giống lợn cho người chăn nuôi của khu vực tỉnh Bắc Kạn mặc dù tiến hành chậm hơn so với dự kiến về mặt thời gian do công tác xây dựng cơ bản chậm, nhưng dự án vẫn hoàn thành tốt các nội dung đặt ra, đã xây dựng đầy đủ một cơ sở chăn nuôi lợn địa phương đồng bộ từ chuồng trại, con giống đến các hoạt động sản xuất khác và bắt đầu hoạt động có hiệu quả. Là tiền đề cho các hoạt động của một cơ sở nghiên cứu, sản xuất cung cấp con giống có chất lượng của tỉnh, hỗ trợ cho hoạt động của trung tâm và góp phần chuyển giao khoa học kỹ thuật cho địa phương.

5.3. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn địa phương quy mô nông hộ:

Dự án tiến hành triển khai tại các xã Bộc Bô (huyện Pác Nặm); xã Khang Ninh (Huyện Ba Bể) và xã Thượng Quan (Huyện Ngân Sơn). Trong tổng số 52 hộ đăng ký tham gia, đã tuyển chọn được 27 hộ đủ tiêu chuẩn để tham gia dự án.

Ban Quản lý dự án đã tổ chức cùng 27 hộ gia đình được chọn thống nhất công tác xây dựng chuồng trại, công tác chọn lợn nái và lợn đực hậu bị và cung cấp các vật tư hỗ trợ cho người chăn nuôi theo quy định của dự án đã được phê

duyệt. Đàn lợn hậu bị được cán bộ kỹ thuật của dự án và hộ nông dân cùng tham gia tuyển chọn từ những hộ gia đình chăn nuôi giống lợn địa phương đáp ứng yêu cầu đặt ra của dự án là nhóm lợn đen tuyền, được đánh giá có chất lượng thịt thơm ngon để làm giống. Đồng thời dự án cũng tiến hành giao các vật tư hỗ trợ bao gồm thức ăn và thuốc thú y cho 27 hộ tham gia mô hình.

Để đảm bảo cho việc sử dụng vật tư hỗ trợ có hiệu quả, ở mỗi xã, các hộ dân cử một tổ trưởng cùng với cán bộ kỹ thuật của dự án theo dõi, hướng dẫn, giám sát việc sử dụng. Nhờ việc quản lý giám sát và sử dụng tốt thức ăn, thuốc thú y hỗ trợ mà các đàn lợn của mô hình sinh trưởng tốt, tạo tâm lý phấn khởi cho người dân tham gia.

Kết quả theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật của mô hình:

Kết quả theo dõi đàn lợn con sản xuất của các hộ gia đình tham gia xây dựng mô hình cho thấy, trong tổng số 27 hộ gia đình tham gia dự án có 4 hộ nuôi quy mô 2 con lợn nái, 19 hộ nuôi quy mô 3 con nái và 4 hộ nuôi quy mô 4 con. Bình quân chung một hộ gia đình nuôi 3 con nái. So với thuyết minh dự án, quy mô này đạt yêu cầu.

Số liệu thống kê về đàn lợn sản xuất ra của các hộ gia đình cho thấy, bình quân một hộ gia đình đã sản xuất được 32,96 con lợn đủ để xuất bán lợn giống hoặc lợn thịt. Trong đó có bình quân 21,96 lợn đã bán giống hoặc đang nuôi thịt và xuất bán được bình quân 11 lợn thịt/hộ (Tính đến thời điểm 31/12/2012). So với kế hoạch, số lượng lợn sản xuất được đã đạt và vượt mức đề ra.

Bên cạnh việc theo dõi số lượng lợn sản xuất được, chúng tôi còn theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật của đàn lợn trong mô hình. Kết quả theo dõi được thể hiện ở bảng 3.10. Kết quả cho thấy: số lợn con đẻ ra/lứa ở lứa đẻ theo dõi là khá cao (bình quân 5,63 con/lứa), số con nuôi sống đến 4 tháng tuổi (Thời điểm có thể xuất bán lợn con hoặc chuyển nuôi thịt) đạt 4,97 con/lứa, tỷ lệ nuôi sống đến 4 tháng tuổi đạt 88,27%. Các thông số kỹ thuật trong chăn nuôi lợn thịt cũng đạt khá cao (khối lượng xuất bán bình quân đạt 41,93kg lúc 12 tháng tuổi cao hơn so với dự kiến 6,93kg, sinh trưởng tuyệt đối đạt 125,7 g/con/ngày).

Những kết quả trên chứng tỏ trình độ kỹ thuật chăn nuôi lợn của người chăn nuôi trong nông hộ đã được nâng cao rõ rệt, bên cạnh đó cũng thể hiện lợn địa phương khi được nuôi trong điều kiện tốt, được ăn đủ dinh dưỡng có thể sinh trưởng và phát triển tốt hơn.

Trong thời gian thực hiện dự án, các hộ chăn nuôi đã sản xuất được 890 con lợn, tại thời điểm kết thúc dự án có 586 lợn con đã xuất bán và đang nuôi tại chuồng và xuất bán được 304 lợn thịt. Huyện Ba Bể có số lợn sản xuất ra nhiều nhất là 308 con có tổng thu là 375.216.000 đồng, tương đương 41.690.660 đồng/hộ. Các hộ ở huyện Pác Nặm có thu nhập ít hơn đạt 38.637.270 đồng/hộ và thấp nhất là huyện Ngân Sơn 36.257.070 đồng/hộ.

Thu nhập từ chăn nuôi lợn của các hộ gia đình có quy mô chăn nuôi khác nhau chênh lệch nhau rất lớn. Nếu chỉ nuôi 2 lợn nái sinh sản, thu nhập chỉ đạt 25.547.500 đồng (Trong thời kỳ tiến hành dự án); khi tăng số lượng lợn nái, thu

từ chăn nuôi lợn cũng tăng lên 43.468.800 đ và 52.853.900 đ khi nuôi 3 hoặc 4 lợn nái. Như vậy, đây là một ví dụ để minh chứng cho người dân khu vực vùng cao thay đổi về tư duy chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng hàng hóa.

Kết quả đánh giá chi tiết về thu nhập/tháng của các hộ nông dân chăn nuôi (Đã tính thu – (Chi phí trực tiếp như thức ăn, thuốc thú y – chi phí giống gốc – chi phí khấu hao chuồng trại) cho thấy:

Hộ gia đình Ông Hoàng Văn Cảnh (Thôn Nà Phấn - Xã Bộc Bó - huyện Pắc Nặm) nuôi 2 lợn nái, tổng thu về chăn nuôi lợn đạt 23.430.000 đ tăng hơn so với trước khi tiến hành dự án chỉ đạt 17.200.000 đồng; Thu nhập của hộ gia đình theo cách tính trên đạt 1.258.594 đ/tháng. Trong khi hộ gia đình ông Bé Cao Thuyết (Thôn Nà Mằm – xã Khang Ninh – huyện Ba Bể) nuôi 4 lợn nái, thu từ chăn nuôi đạt 48.280.000 đ, cao hơn thời điểm trước khi tiến hành dự án chỉ đạt 15.600.000 đ; thu nhập theo cách tính trên đạt 3.060.040 đ/tháng (*Kết quả này đã được các hộ gia đình báo cáo trong Hội thảo do Ban quản lý dự án phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Bắc Kạn tổ chức tại Ba Bể ngày 23/11/2012*).

Tóm lại, việc triển khai nội dung thứ 3 của dự án đã được triển khai đúng kế hoạch đặt ra về thời gian, nội dung công việc và hiệu quả chăn nuôi. Các hộ gia đình được lựa chọn tham gia đều tích cực hưởng ứng, tình hình sản xuất chăn nuôi của các gia đình đều đạt kết quả tốt, tạo tâm lý phấn khởi cho người dân.

5.4. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn địa phương theo hình thức trang trại quy mô nhỏ

5.4.1. Xây dựng mô hình:

Tiến hành xây dựng 03 mô hình chăn nuôi lợn địa phương theo hình thức trang trại quy mô nhỏ.

Quy mô chăn nuôi mỗi mô hình 8-10 lợn nái địa phương và 1-2 lợn đực giống.

Hàng năm sản xuất 80-100 lợn thịt đặc sản, khối lượng 25-30 kg/con.

Việc chọn hộ tham gia được tiến hành công khai. Dự án chọn 03 hộ gia đình đủ tiêu chuẩn để tham gia dự án tại 03 huyện Pắc Nặm, Ba Bể Ngân Sơn.

Sau khi kiểm tra đánh giá các điều kiện tiếp nhận đàn lợn ở các hộ đăng ký tham gia dự án và tổ chức tập huấn kỹ thuật cho hộ, Ban Quản lý dự án đã tổ chức giao lợn giống cùng các vật tư hỗ trợ là thức ăn và thuốc thú y cho 3 hộ tham gia mô hình giống như đối với các hộ nông dân chăn nuôi khác.

Do quy mô chăn nuôi khá lớn so với người dân của địa phương, ngoài việc hỗ trợ về công nghệ chăn nuôi, đầu tư hỗ trợ về vật tư, con giống cho ba hộ tham gia, dự án đã tiến hành giám sát chặt chẽ các hoạt động của hộ gia đình, nhằm giúp họ có các phương án sử dụng một cách hiệu quả không những đầu tư của dự án mà cả các vật tư của gia đình như chuồng trại, con giống, thức ăn tinh, thức ăn xanh...

5.4.2. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật của mô hình:

Dự án đã xây dựng được 3 mô hình chăn nuôi có số lợn nái là 10 con/hộ gia đình, mỗi gia đình nuôi hai lợn đực giống (Ngoài cung cấp cho đàn nái của gia đình còn cung cấp cho các hộ chăn nuôi khác). Mỗi gia đình đã sản xuất bình quân được 108,67 con lợn nuôi thịt, trong đó đã xuất bán bình quân 37 con/hộ, số còn lại theo tính toán của các hộ gia đình dự kiến vào dịp tết nguyên đán năm 2013, là thời điểm nhu cầu của xã hội rất cao. Đánh giá chung, kết quả trên đã đạt được kế hoạch đề ra.

Kết quả theo dõi về các chỉ tiêu kỹ thuật trong chăn nuôi lợn sinh sản và sinh trưởng của các hộ tham gia xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại: Số con đẻ ra/lứa là 6,30 con, số con nuôi sống đến 4 tháng tuổi là 5,43 con/lứa, tỷ lệ nuôi sống đến 4 tháng tuổi 86,19%, các thông số này là khá cao. Trong chăn nuôi lợn thịt, họ thường xuất bán sớm hơn lúc 8 tháng tuổi (Nhu cầu của người tiêu dùng cần lợn xấp xỉ khoảng 30 kg), nên khả năng sinh trưởng của lợn khá tốt đạt 150,04g/con/ngày. Kết quả này cho thấy, do các hộ này đã tiếp thu và thực hành tốt kỹ thuật chăn nuôi, đây là tiền đề cơ bản để các trại chăn nuôi phát triển lên cả về số lượng và chất lượng.

Đánh giá chung, về thu nhập của các hộ là khá tốt, có được kết quả này là do người chăn nuôi đã thực hành kỹ thuật chăn nuôi rất tốt, một phần do quy mô chăn nuôi cao, người dân phải dành hẳn một lao động để chăn nuôi, nên việc chăm sóc vật nuôi tốt hơn, kịp thời can thiệp khi có sự cố xảy ra. Mặt khác, ý thức đầu tư của họ trong quá trình thực hiện cao hơn, vì vậy hiệu quả chăn nuôi cũng tốt hơn.

Tóm lại, dự án đã hoàn thành tốt theo kế hoạch được phê duyệt, bao gồm xây dựng được 3 mô hình chăn nuôi quy mô nhỏ, mỗi hộ nuôi 10 lợn nái và 02 lợn đực. Năng suất chăn nuôi đảm bảo theo kế hoạch đặt ra.

** Đánh giá chung về công tác xây dựng chuồng trại, công tác thú y và xây dựng hệ thống xử lý chất thải Biogas.*

Công tác xây dựng chuồng trại: Đối với các hộ gia đình tham gia mô hình chăn nuôi quy mô nông hộ: Trên cơ sở quy mô chăn nuôi của từng hộ đăng ký, dự án đã hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi phù hợp với quy mô đặt ra. Khu chuồng trại chăn nuôi gồm có hai phần: Chuồng nuôi nhốt và khu chăn thả. Tùy vào điều kiện thực tế của từng gia đình sử dụng các loại nguyên liệu xây dựng khác nhau, nhưng đảm bảo các thông số cơ bản như diện tích nuôi nhốt cho 1 lợn nái hoặc 1 lợn thịt là 4 - 5,0 m² (2 x 2 -2,5 m); diện tích chăn thả là 200 – 300 m². Đánh giá chung, công tác xây dựng chuồng trại của người dân đáp ứng yêu cầu đặt ra, 100% số hộ đều được nghiệm thu với sự tham gia của dự án, trưởng thôn và hộ gia đình.

Đối với các hộ xây dựng mô hình chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, được thiết kế chi tiết thành hai khu: Khu chăn nuôi lợn nái, khu nuôi lợn thịt. Riêng khu nuôi lợn thịt được thiết kế có bãi chăn thả với diện tích >500 m². Khu chăn

nuôi lợn nái được thiết kế có 10 ô nuôi lợn nái và 02 ô nuôi lợn đực. Về diện tích mỗi ô nuôi 1 lợn nái hoặc 1 lợn thịt là 4 - 5,0 m² (2 x 2 -2,5 m).

Các hộ tham gia mô hình chăn nuôi lợn trang trại được khuyến cáo xây dựng thêm hầm xử lý chất thải Biogas. Trong quá trình triển khai dự án có hai gia đình đã tiến hành xây hầm biogas với dung tích 10 m³/hầm. Nhìn chung, các hầm biogas được làm bằng chất liệu composit, đều đáp ứng yêu cầu xử lý chất thải là cung cấp khí đốt cho gia đình.

Công tác tiêm phòng được cán bộ kỹ thuật cùng hộ dân trực tiếp tiến hành. Hàng ngày, người chăn nuôi theo dõi tình trạng sức khỏe đàn lợn, báo cáo với cán bộ kỹ thuật những tình huống không bình thường để có biện pháp xử lý kịp thời. Hàng tuần, người chăn nuôi tiến hành phun thuốc sát trùng, kết hợp với xử lý tốt chất thải, tạo môi trường chăn nuôi tốt. Trong toàn bộ thời gian triển khai dự án, không xảy ra hiện tượng dịch bệnh truyền nhiễm nào, sức khỏe của đàn vật nuôi tốt. Những bệnh thông thường được xử lý dứt điểm, cho nên tỷ lệ nuôi sống khá cao.

6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: 01/2011 đến tháng 12 /2012.

7. Kinh phí thực hiện:

- Tổng số: 4.739.554.000 đồng, trong đó:
- + Kinh phí sự nghiệp khoa học: 1.486.000.000 đồng ;
- + Kinh phí tự có: 2.660.580.000 đồng ;
- + Nguồn khác (Doanh nghiệp): 592.974.000 đồng.
- Kinh phí ngân sách sự nghiệp KH - CN có thu hồi: 286.000.000 đồng.